ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1543 /KH-UBND	*Lai Châu, ngày 12 tháng 5 năm 2022*

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Đề án "Chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên giai đoạn 2021- 2025" trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Căn cứ Quyết định số 5914/QĐ-BYT, ngày 29/12/2021 của Bộ Y tế về việc ban hành Đề án "Chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên giai đoạn 2021- 2025", Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Cải thiện tình trạng sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục của vị thành niên, thanh niên thông qua việc đẩy mạnh truyền thông, tư vấn và tăng cường cung cấp dịch vụ chuyên môn kỹ thuật chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục có chất lượng, phù hợp với điều kiện học tập, làm việc và sinh hoạt của các nhóm vị thành niên, thanh niên, góp phần đưa vị thành niên, thanh niên trở thành một lực lượng lao động khỏe mạnh đóng góp vào các mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh Lai Châu nói riêng và Việt Nam nói chung.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu 1: *Tăng cường sự cam kết của các nhà hoạch định chính sách và các bên liên quan nhằm tạo môi trường thuận lợi cho chăm sóc sức khỏe sinh sản (SKSS), sức khỏe tình dục (SKTD) của vị thành niên, thanh niên (VTN-TN) dựa trên bằng chứng.*

Chỉ tiêu đến năm 2025:

- 70% cấp ủy Đảng, chính quyền ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng, thực hiện các chính sách về SKSS, SKTD của VTN-TN và bố trí ngân sách thực hiện trong nhà trường, cộng đồng, cơ sở/doanh nghiệp.

- Tối thiểu 80% các cơ sở chăm sóc SKSS, trường học, cơ sở/doanh nghiệp tại địa phương có các kế hoạch triển khai các hoạt động chăm sóc SKSS, SKTD của VTN-TN.

2.2. Mục tiêu cụ thể 2: *Tiếp tục nâng cao kiến thức, thay đổi hành vi của VTN-TN về chăm sóc SKSS, SKTD và các đối tượng liên quan (cha mẹ, thầy cô, cán bộ đoàn thanh niên, chủ đơn vị/doanh nghiệp…) thông qua các hoạt động truyền thông giáo dục và tư vấn phù hợp với các đối tượng ưu tiên.*

Chỉ tiêu đến năm 2025:

- Nội dung giáo dục SKSS, SKTD toàn diện phù hợp với lứa tuổi bao gồm các kỹ năng sống liên quan đến vấn đề SKSS, SKTD được đưa vào chương trình giảng dạy trong nhà trường.

- Ít nhất 70% VTN-TN thuộc nhóm đối tượng ưu tiên[1] có hiểu biết về những nội dung cơ bản trong SKSS, SKTD của VTN-TN như giáo dục giới tính, tình dục an toàn, các biện pháp tránh thai, mang thai ngoài ý muốn, phá thai không an toàn, phòng chống các bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản/lây truyền qua đường tình dục, lây nhiễm HIV, phòng ngừa xâm hại và bạo lực tình dục, dự phòng phát hiện sớm ung thư đường sinh sản…

- Ít nhất 80% các thầy cô giáo được cung cấp thông tin về chăm sóc SKSS, SKTD của VTN-TN.

- Ít nhất 80% bậc cha mẹ hoặc người giám hộ của VTN-TN thuộc nhóm tuổi từ 10-14, nhóm VTN-TN khuyết tật được cung cấp thông tin về chăm sóc SKSS, SKTD của VTN-TN.

- Ít nhất 50% các chủ cơ sở/doanh nghiệp được cung cấp thông tin về chăm sóc SKSS, SKTD VTN-TN.

- Ít nhất 70% người lao động (dưới 30 tuổi) trong các cơ sở/doanh nghiệp có hiểu biết về các chế độ, chính sách của Nhà nước liên quan đến công tác chăm sóc SKSS, SKTD như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong chăm sóc thai sản và biện pháp tránh thai… và được cung cấp thông tin về nội dung cơ bản trong chăm sóc SKSS, SKTD cho thanh niên.

- Ít nhất 70% VTN-TN thuộc nhóm đối tượng ưu tiên được cung cấp địa chỉ và biết các cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD đảm bảo chất lượng.

- Ít nhất 60% VTN-TN thuộc nhóm đối tượng ưu tiên có hành vi tình dục an toàn.

2.3. Mục tiêu cụ thể 3: *Tăng cường tiếp cận nâng cao chất lượng và dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD thân thiện cho VTN-TN, đặc biệt là ở các nhóm đối tượng ưu tiên.*

Chỉ tiêu đến năm 2025:

- 80% cơ sở chăm sóc SKSS công lập ở tuyến tỉnh có cán bộ được đào tạo về cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD thân thiện cho VTN-TN.

- 70% cơ sở chăm sóc SKSS tư nhân có cán bộ được đào tạo về cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD thân thiện cho VTN-TN.

---

[1] Các nhóm ưu tiên như nhóm VTN-TN chưa kết hôn, nhóm VTN trong độ tuổi từ 10 đến 14, nhóm VTN-TN khuyết tật, nhóm VTN di cư, nhóm VTN-TN lao động tại các khu công nghiệp, nhóm dân tộc thiểu số và nhóm VTN-TN có xu hướng tính dục khác nhau còn gặp nhiều thách thức.

- 60% cơ sở chăm sóc SKSS công lập ở tuyến tỉnh cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD thân thiện cho VTN-TN.

- Có ít nhất 01 cơ sở chăm sóc SKSS công lập ở tuyến tỉnh cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD thân thiện cho nhóm VTN-TN ưu tiên, tập trung vào nhóm VTN-TN khuyết tật.

- 50% cơ sở chăm sóc SKSS tư nhân cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD thân thiện với VTN-TN.

- 70% cơ sở chăm sóc SKSS tại tất cả các tuyến trên địa bàn thực hiện thông tin, giáo dục truyền thông, tư vấn về SKSS, SKTD cho VTN-TN.

- Có tối thiểu 01 cơ sở chăm sóc SKSS ở tuyến tỉnh cung cấp thông tin, tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân cho các nhóm đối tượng ưu tiên.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng

- Đối tượng can thiệp trực tiếp: VTN-TN trên địa bàn tỉnh, trong đó ưu tiên các nhóm đối tượng sau:

+ Nhóm VTN trong độ tuổi từ 10 đến 14;

+ Nhóm VTN-TN khuyết tật;

+ Nhóm VTN-TN và người trẻ dưới 30 tuổi (là người chưa kết hôn hoặc đã kết hôn) lao động tại các cơ sở/doanh nghiệp.

+ Nhóm dân tộc thiểu số;

+ Nhóm VTN-TN có hành vi nguy cơ cao đối với SKSS, SKTD như nhóm sử dụng ma túy và các chất gây nghiện, thanh niên mại dâm, nhóm có các xu hướng tình dục khác nhau LGBT.

- Đối tượng can thiệp gián tiếp:

+ Nhân viên y tế tại các cơ sở chăm SKSS (cả khối công lập và tư nhân);

+ Nhóm đối tượng có ảnh hưởng/liên quan đến hoạt động chăm sóc SKSS, SKTD VTN-TN: các nhà hoạch định chính sách có liên quan đến hoạt động chăm sóc SKSS, SKTD VTN-TN: cha mẹ, thầy, cô giáo, nhà quản lý doanh nghiệp, các cán bộ Đoàn Thanh niên, cán bộ Công đoàn, cán bộ Hội phụ nữ.

2. Thời gian thực hiện: Từ năm 2022 đến hết năm 2025.

III. GIẢI PHÁP VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Đẩy mạnh thông tin, giáo dục và truyền thông thay đổi hành vi

1.1. Hoạt động truyền thông vận động chính sách

- Tổ chức truyền thông vận động về tầm quan trọng của SKSS, SKTD đối với VTN-TN cho các nhà hoạch định chính sách, các đại biểu dân cử, các nhà lãnh đạo, nhà quản lý các lĩnh vực liên quan như giáo dục, doanh nghiệp… qua

các chương trình trên các phương tiện truyền hình, đài phát thanh, báo viết ở địa phương; qua hội nghị, hội thảo chuyên đề hoặc lồng ghép; gặp gỡ vận động trực tiếp nhằm nâng cao hiểu biết của lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, các sở, ban, ngành liên quan về những thách thức của việc bảo vệ, chăm sóc và nâng cao SKSK, SKTD cho VTN-TN.

- Huy động các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội, các cơ quan truyền thông đại chúng tham gia vào vận động chính sách bằng cách tham gia giám sát, phản biện xã hội, góp ý cho chính sách, chương trình, kế hoạch hoạt động chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN-TN.

- Huy động nguồn lực và tạo môi trường xã hội thuận lợi cho công tác chăm sóc SKSS, SKTD của VTN-TN với việc đẩy mạnh xã hội hóa công tác chăm sóc SKSS, SKTD VTN-TN thông qua các chính sách ưu đãi; thu hút và huy động, khuyến khích các nguồn lực của xã hội trong chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN-TN, chẳng hạn các doanh nghiệp đưa kinh phí chăm sóc SKSS, SKTD của người lao động trẻ dưới 30 tuổi vào chi phí sản xuất của doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp dành ít nhất 2 giờ/năm (có trả lương) cho việc truyền thông về chăm sóc SKSS, SKTD cho người lao động trẻ.

- Huy động các tổ chức xã hội thực hiện thí điểm các mô hình can thiệp chăm sóc SKSS, SKTD cho các nhóm đối tượng yếu thế và ưu tiên khác nhau tại gia đình, nhà trường, doanh nghiệp và cộng đồng.

- Hỗ trợ sự tham gia của VTN-TN, đặc biệt là nhóm VTN-TN ưu tiên, trong vận động, đối thoại chính sách với lãnh đạo các cấp về nhu cầu thông tin và dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD và đề xuất các can thiệp phù hợp với họ.

1.2. Hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe, nâng cao nhận thức, xây dựng thái độ tích cực và thay đổi hành vi

- Tăng cường tổ chức các hoạt động thông tin - giáo dục - truyền thông cho cộng đồng về: Kiến thức về chăm sóc SKSS, SKTD VTN-TN, đặc biệt là kiến thức, hành vi tình dục an toàn về thực hành đúng các biện pháp tránh thai; Tính sẵn có và chất lượng của dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN-TN thông qua hoạt động của các đoàn thể, doanh nghiệp để cung cấp thông tin, nâng cao hiểu biết về SKSS, SKTD, tâm sinh lý VTN-TN cũng như các địa chỉ chăm sóc SKSS, SKTD tin cậy/số điện thoại đường dây nóng cho các đoàn viên, hội viên, các bậc cha mẹ, thầy cô giáo.

- Cập nhật các tài liệu truyền thông, giáo dục SKSS, SKTD toàn diện cho cán bộ y tế và cán bộ cộng đồng với nội dung chú trọng các nhóm đối tượng ưu tiên.

- Cải tiến nội dung, đa dạng hóa các hình thức và hoạt động truyền thông trên các phương tiện truyền thông đại chúng như xây dựng các chuyên mục, bài viết, phóng sự về VTN-TN trên các báo, đài. Đặc biệt chú trọng tới các loại hình truyền thông mới như internet, truyền hình tương tác, phát thanh tương tác, sân khấu tương tác, mạng xã hội, các ứng dụng trên điện thoại thông minh,...

- Phối hợp với các ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp nhằm đa dạng hóa các loại hình truyền thông đến các nhóm đối tượng ưu tiên với nội dung chủ yếu về chăm sóc SKSS, SKTD như: tình bạn, tình yêu, tình dục an toàn và lành mạnh, phòng có thai ngoài ý muốn, phòng tránh HIV, ngăn chặn sử dụng chất gây nghiện,…

- Đẩy mạnh giáo dục SKSS, SKTD toàn diện trong nhà trường: tăng cường giáo dục giới tính, giáo dục kỹ năng sống liên quan đến SKSS, SKTD VTN-TN; xây dựng góc tư vấn về SKSS, SKTD với nội dung phù hợp với từng bậc học, trong nhà trường; lồng ghép các nội dung chăm sóc SKSS, SKTD trong các hoạt động sinh hoạt tập thể, các cuộc thi trong nhà trường (như Rung chuông vàng, thi hùng biện, ngày hội mỹ thuật,…); Khuyến khích các hình thức giáo dục đồng đẳng như nhóm bạn, câu lạc bộ,…

- Phát huy vai trò của những người có uy tín trong cộng đồng (người cao tuổi, các vị chức sắc tôn giáo, các nhân vật trẻ có ảnh hưởng với giới trẻ,...) trong việc giáo dục lối sống lành mạnh cho VTN-TN.

2. Nâng cao hiệu quả quản lý và năng lực cho mạng lưới chăm sóc sức khỏe sinh sản sức khỏe tình dục vị thành niên - thanh niên

- Cập nhật và triển khai các hướng dẫn chuyên môn, chương trình, tài liệu đào tạo liên quan đến chăm sóc SKSS, SKTD VTN-TN.

- Đào tạo nâng cao năng lực cho mạng lưới chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục về lập kế hoạch, triển khai thực hiện, theo dõi, giám sát và đánh giá công tác chăm sóc SKSS, SKTD VTN- TN tại các tuyến.

- Đào tạo, cung cấp thông tin cơ bản cho các thầy, cô giáo về SKSS, SKTD VTN-TN tại các trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên, Cao đẳng cộng đồng,… trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức triển khai các hoạt động lồng ghép, phối hợp hành động giữa các ngành, các tổ chức liên quan, các đối tác phát triển trong nước và quốc tế trong việc thí điểm các mô hình can thiệp, triển khai có hiệu quả về chăm sóc SKSS, SKTD VTN- TN, đặc biệt là nhóm VTN- TN ưu tiên.

3. Đảm bảo tài chính, đổi mới phương thức chi trả nhằm tăng khả năng tiếp cận và chất lượng dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD VTN-TN

- Lồng ghép hoạt động chăm sóc SKSS, SKTD VTN-TN với các chương trình, dự án đã và đang triển khai để thực hiện đề án.

- Vận động các tổ chức trong và ngoài nước, các nhà tài trợ, các đối tác phát triển hỗ trợ nguồn lực và kỹ thuật về chăm sóc SKSS, SKTD VTN-TN, đặc biệt cả nhóm VTN-TN ưu tiên.

- Huy động sự tham gia, đóng góp của doanh nghiệp trong chăm sóc SKSS cho công nhân lao động tại các cơ sở/doanh nghiệp.

4. Đảm bảo nguồn nhân lực chuyên ngành và nâng cao năng lực chuyên môn SKSS, SKTD VTN-TN cho y tế các tuyến

- Tăng cường nguồn nhân lực cung cấp dịch vụ SKSS, SKTD VTN-TN, bao gồm cả nhóm VTN-TN ưu tiên, đặc biệt là ở tuyến cơ sở, có thể tận dụng một số nguồn nhân lực có tiềm năng như các cán bộ y tế có chuyên môn cao đã nghỉ chế độ, sự tham gia của y tế tư nhân,…

- Nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ thông qua các hoạt động:

+ Xây dựng chương trình đào tạo, cập nhật Bộ tài liệu đào tạo chăm sóc SKSS, SKTD đối với VTN-TN, đặc biệt là nhóm VTN-TN ưu tiên, có lồng ghép các nội dung về giới, bạo lực giới và phòng chống bạo lực giới, hướng đến cung cấp dịch vụ thân thiện dựa trên tài liệu, hướng dẫn của các Bộ ngành Trung ương.

+ Tổ chức và đa dạng hóa hình thức đào tạo liên tục nhằm nâng cao năng lực cho nhân viên y tế (công lập và tư nhân, bao gồm cả nhân viên y tế tại các doanh nghiệp) đang làm công tác chăm sóc SKSS, SKTD VTN-TN, đặc biệt là nhóm VTN-TN ưu tiên.

+ Tổ chức đào tạo tại chỗ, đào tạo theo nhu cầu bằng phương pháp cầm tay chỉ việc về chăm sóc SKSS, SKTD đối với VTN-TN.

5. Giải pháp về cơ sở vật chất và nghiên cứu khoa học công nghệ

- Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị theo hướng lồng ghép hoạt động cung cấp dịch vụ SKSS, SKTD thân thiện cho VTN-TN, đặc biệt ưu tiên cơ sở vật chất, trang thiết bị cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD cho nhóm VTN- TN ưu tiên tại cơ sở y tế các tuyến, trường học, cơ sở/doanh nghiệp và cộng đồng.

- Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ mới phù hợp trong chăm sóc SKSS, SKTD VTN-TN tại địa phương.

6. Nâng cao tính sẵn có và chất lượng dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD VTN-TN

- Kết nối và phát triển mạng lưới các cơ sở y tế công lập và tư nhân cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD thân thiện và toàn diện cho VTN-TN trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức các đợt chăm sóc lưu động về SKSS, SKTD thân thiện và toàn diện, kết hợp với các chương trình truyền thông, đảm bảo tính thuận tiện về thời gian và địa điểm cho VTN-TN tại cộng đồng và doanh nghiệp.

- Mở rộng và tăng cường áp dụng các cách tiếp cận mới trong cung cấp thông tin và dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN-TN thông qua các dự án cộng đồng (như phòng chống bạo lực trên cơ sở giới, sức khỏe cộng đồng,…), các ứng dụng công nghệ thông tin/trí tuệ nhân tạo,… đồng thời cải thiện chất lượng thông tin/dịch vụ và nâng cao sự hài lòng, khả năng tiếp cận thông tin và sử dụng dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD đối với VTN-TN.

- Đẩy mạnh thực hiện liên kết trong cung cấp thông tin và dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD VTN-TN trên cơ sở huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội từ ngân sách nhà nước, cơ sở tư nhân, các tổ chức phi chính phủ/phi lợi nhuận và người sử dụng dịch vụ là VTN-TN.

- Phối hợp các sở, ngành liên quan như Sở Giáo dục và Đào tạo, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Liên đoàn lao động tỉnh… xây dựng các mô hình điểm cung cấp thông tin, tư vấn, dịch vụ tại các địa điểm thích hợp như nhà trường, cộng đồng, cơ sở/doanh nghiệp.

7. Củng cố và hoàn thiện hệ thống thống kê, theo dõi báo cáo

- Cập nhật, ứng dụng bộ chỉ số, công cụ theo dõi, đánh giá về chăm sóc SKSS, SKTD VTN-TN theo các nhóm: độ tuổi, dân tộc, khu vực, trình độ học vấn, kinh tế … và lồng ghép vào hệ thống thống kê báo cáo và cơ sở dữ liệu về SKSS; huấn luyện/đào tạo cho đội ngũ làm công tác thống kê, báo cáo nhằm nâng cao chất lượng báo cáo.

- Cải thiện quy trình quản lý thông tin về SKSS, SKTD VTN-TN (bao gồm: thu thập, phân tích, lưu trữ thông tin) trên nền tảng hệ thống thống kê báo cáo và cơ sở dữ liệu về SKSS theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Tăng cường thu thập, phân tích dữ liệu và sử dụng các các thông tin đã phân tích theo độ tuổi, giới, trình độ, nơi học tập/làm việc, tôn giáo, vùng địa lý và loại hình dịch vụ liên quan tới SKSS, SKTD VTN-TN.

- Hàng năm kiểm tra, đánh giá tổng kết rút kinh nghiệm, bổ sung điều chỉnh các hoạt động phù hợp.

IV. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước trong dự toán chi thường xuyên hằng năm của các cơ quan, đơn vị theo phân cấp ngân sách và thực hiện lồng ghép từ các chương trình, đề án liên quan theo quy định của pháp luật; Nguồn do Quỹ bảo hiểm y tế chi trả; Nguồn xã hội hóa; Nguồn hợp pháp khác (nếu có).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Là cơ quan thường trực, phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc làm tốt công tác tham mưu cho UBND các cấp trong triển khai thực hiện Kế hoạch tại địa phương.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh có liên quan để xây dựng các chương trình can thiệp, các mô hình điểm trong truyền thông, cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD thân thiện với VTN-TN.

- Định kỳ tổng hợp, báo cáo các cấp theo quy định.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh có liên quan để xây dựng các chương trình can thiệp, các mô hình điểm trong truyền thông, cung cấp thông tin, tư vấn, dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD thân thiện với VTN-TN tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn.

- Đẩy mạnh giáo dục SKSS, SKTD toàn diện trong nhà trường: chỉ đạo các cơ sở giáo dục phối hợp với cơ quan y tế địa phương tăng cường giáo dục giới tính, giáo dục kỹ năng sống liên quan đến SKSS, SKTD VTN - TN; xây dựng góc tư vấn về SKSS, SKTD với nội dung phù hợp với từng bậc học, trong nhà trường; lồng ghép các nội dung chăm sóc SKSS, SKTD trong các hoạt động sinh hoạt tập thể, tiết học ngoại khóa các cuộc thi trong nhà trường (như Rung chuông vàng, thi hùng biện v.v…); vận động các phụ huynh tích cực tham gia các hoạt động trong việc tuyên truyền, giáo dục về chăm sóc SKSS, SKTD VTN - TN.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Y tế lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của tỉnh.

4. Sở Tài chính

Hàng năm căn cứ nội dung hoạt động và nhu cầu kinh phí thực hiện Kế hoạch, phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan thẩm định, tổng hợp kinh phí, tham mưu trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo theo quy định của pháp luật.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo các cơ quan báo chí và hệ thống thông tin cơ sở đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền, xây dựng các chuyên mục, chuyên trang, chuyên đề về chăm sóc SKSS, SKTD VTN-TN.

6. Báo Lai Châu, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh

Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan xây dựng các chuyên mục, chuyên trang, chuyên đề để truyền tải các thông tin về chăm sóc SKSS, SKTD VTN - TN.

7. Bảo hiểm xã hội tỉnh

Thực hiện chi trả các dịch vụ y tế liên quan đến chăm sóc SKSS, SKTD theo quy định. Tăng cường tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế hướng tới bảo hiểm y tế toàn dân nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân được tiếp cận với các dịch vụ y tế về SKSS, SKTD nói riêng, chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nói chung.

8. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Chỉ đạo, phối hợp triển khai lồng ghép các hoạt động truyền thông, xây dựng các mô hình cộng đồng về chăm sóc SKSS, SKTD VTN - TN để tăng cường thông tin, tuyên truyền cho nhân dân trên địa bàn.

9. UBND các huyện, thành phố

- Chủ động xây dựng Kế hoạch cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện, đưa các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện kế hoạch về Sở Y tế tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Y tế.

Căn cứ nội dung Kế hoạch, UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Bộ Y tế; (để b/c)
- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; (b/c)
- UBND tỉnh: U;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VPUBND tỉnh: V, C;
- Lưu: VT, VX1.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Tống Thanh Hải